

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 427/QĐ-HVPNVN ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
- + Tên tiếng Anh: Social Work
- + Mã ngành đào tạo: 9760101
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Trong trường hợp gia hạn, tổng thời gian đào tạo không vượt quá 5 năm (60 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 6 năm (72 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng cử nhân. Trong trường hợp ngoại lệ, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo Quy định đào tạo tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Tiến sĩ Công tác xã hội (Doctor of Philosophy in Social Work)
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về Công tác xã hội - những nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, hiểu biết sâu rộng về chuyên môn liên quan đến lý thuyết, quản trị, phúc lợi xã hội, cộng đồng và các lĩnh vực chuyên biệt về Công tác xã hội; có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức; có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng hội nhập với khu vực và thế giới; có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học; có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm xã hội và sức khỏe, có tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.



2.2. Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp Chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội đạt được các mục tiêu:

PO1: Có kiến thức lý thuyết tiên tiến, kiến thức thực tiễn sâu rộng về quản trị công tác xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển cộng đồng và các lĩnh vực Công tác xã hội chuyên biệt.

PO2: Thành thạo kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức thực hành Công tác xã hội.

PO3: Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng hội nhập với khu vực và thế giới.

PO4: Tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học cấp ngành, khu vực và quốc gia.

PO5: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, thể hiện tính chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, có trách nhiệm xã hội, có sức khỏe, có tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.

3. Chuẩn đầu ra

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Công tác xã hội có thể:

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- PLO1: Phân tích sâu và đánh giá được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội, phúc lợi xã hội và an sinh xã hội đối với các nhóm thân chủ.

- PLO2: Phân tích, hệ thống hóa các lý thuyết nền tảng, tiên tiến nhằm lý giải, định hướng và xây dựng cách thực hiện, tổ chức, can thiệp các vấn đề xã hội theo các lĩnh vực: quản trị công tác xã hội, phát triển cộng đồng, các vấn đề xã hội thực tế chuyên sâu và các nhóm yếu thế của xã hội.

- PLO3: Thiết kế, xây dựng và triển khai được các nghiên cứu; hướng dẫn được các nghiên cứu đối với người khác; đánh giá, phản biện, xếp loại được các nghiên cứu; phát triển các nguyên lý, học thuyết ứng dụng và phương pháp can thiệp trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp; cập nhật các phương pháp nghiên cứu hiện đại trên thế giới về Công tác xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO4: Có năng lực thực hành, tư vấn ở trình độ cao về các lĩnh vực chuyên sâu của Công tác xã hội.

PLO5: Có năng lực tổng quan lý thuyết/cơ sở lý luận và các công trình nghiên cứu liên quan Công tác xã hội; thành thạo xây dựng đề cương, thiết kế, triển khai, khảo sát, viết báo cáo nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh về một chủ đề thuộc ngành Công tác xã hội để phát hiện và giải quyết những vấn đề mới ở cấp ngành, khu vực, quốc gia dựa trên các dữ liệu khách quan.

PLO6: Có khả năng viết bài báo khoa học và đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước hoặc nước ngoài; có kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu tại các hội nghị khoa học.

PLO7: Có khả năng cao trong phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Công tác xã hội, có năng lực tổng hợp, có khả năng xử lý các vấn đề về Công tác xã hội quy mô ở khu vực và quốc tế.

PLO8: Thể hiện khả năng thiết lập, mở rộng mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý, thực hành chuyên môn, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO9: Tự định hướng nghiên cứu khoa học; dẫn dắt người khác trong chuyên môn; hướng dẫn nghiên cứu khoa học; đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học trong lĩnh vực Công tác xã hội cấp ngành, khu vực và quốc gia.

PLO10: Tác phong làm việc chuyên nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; tinh thần phục vụ nhân dân; ý thức về bình đẳng giới.

3.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

- Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tự học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới về các vấn đề chung của lĩnh vực kinh tế - xã hội và các vấn đề đặc thù của ngành Công tác xã hội.

- Tiến sĩ Công tác xã hội dưới 45 tuổi có khả năng tham gia chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ (post-doc) ở các cơ sở đại học quốc tế được xếp thứ hạng cao; tiến sĩ Công tác xã hội dưới 35 tuổi có khả năng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, cập nhật phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội.

- Có khả năng tiếp cận với quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý hoặc chuyên gia ở các mức độ khác nhau.

3.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Vị trí công tác/việc làm	Loại hình tổ chức
- Nhà quản trị/quản lý công tác xã hội ở các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương. - Chuyên gia, cán bộ hoạch định chính sách, người tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội.	- Các cơ quan chuyên trách của các tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan các cấp từ trung ương đến địa phương. - Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trung tâm, các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Vị trí công tác/việc làm	Loại hình tổ chức
- Nghiên cứu viên và chuyên gia trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu về Công tác xã hội và xã hội. - Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện... - Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển. - Làm việc ở các đơn vị, tổ chức có liên quan tới các vấn đề xã hội.	- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội khác nhau thuộc cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế...; - Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể hoặc thuộc các các lĩnh vực: y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...; công chức làm việc tại các cơ quan/tổ chức địa phương; - Các cơ sở trợ giúp người yếu thế, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội với mục đích phục vụ cộng đồng.

3.6. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	Mục tiêu				
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
1.	PLO1	x				
2.	PLO2	x				
3.	PLO3			x	x	
4.	PLO4			x	x	
5.	PLO5			x	x	
6.	PLO6			x		
7.	PLO7				x	
8.	PLO8		x			
9.	PLO9				x	
10.	PLO10					x

4. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ Công tác xã hội hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trước khi dự tuyển.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuyên Chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của Chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của Chương trình đào tạo: hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 2 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Có đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- + Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục 3 thuộc Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023 (còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu

từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Học viện (nếu có).

4.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Đơn đăng ký dự tuyển;
- Lý lịch khoa học;
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học;
- Bài luận về dự định nghiên cứu;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Các tài liệu liên quan khác của Học viện.

4.4. Danh mục các ngành đúng, ngành gần

4.4.1. Đối với bằng cử nhân:

- Ngành Công tác xã hội (7760101)
- Ngành Công tác Thanh thiếu niên (7760102)
- Ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (7760103)

4.4.2. Đối với bằng thạc sĩ:

- Ngành Công tác xã hội (8760101)

5. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

5.1. Khối lượng học tập toàn khoá

- Tổng khối lượng học tập của CTĐT là 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ.

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

Các học phần bổ sung (đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ): 30 tín chỉ

Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses): 09 tín chỉ

Các học phần tự chọn (Elective Courses), chọn 01 trong 05 học phần: 03 tín chỉ

Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan: 08 tín chỉ

Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation): 70 tín chỉ

5.2. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận	Tự học
I	Các học phần bổ sung (Đối với NCS đầu vào là cử nhân)		30	20	10	
1	CHCT01	Triết học	04	03	01	
2	CHCB19	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội	03	02	01	
3	CHCB01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	03	02	01	
4	CHCB12	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	02	01	01	
5	CHCB23	Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	03	02	01	
6	CHCB24	Ứng dụng Công tác xã hội nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	03	02	01	
7	CHCB25	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	03	02	01	
8	CHCB15	Thực hành Quản trị Công tác xã hội	03	02	01	
9	CHCB16	Kiểm huấn trong thực hành Công tác xã hội	03	02	01	
10	CHCB20	Quản lý trường hợp trong thực hành Công tác xã hội	03	02	01	
II	Các học phần ở trình độ tiến sĩ		90			
II.1	Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)		09			
11	TSNC01	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội	03	02	01	
12	TSCB01	Các lý thuyết trong Công tác xã hội	03	02	01	
13	TSCB02	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	03	02	01	
II.2	Các học phần tự chọn (Elective Courses) Chọn 1 trong 5 học phần		03			
	TSCB03	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội	03	02	01	
	TSCB04	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng	03	02	01	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận	Tự học
	TSCI09	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	03	02	01	
	TSCI10	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong trường hợp khẩn cấp	03	02	01	
	TSCI03	Mô hình chăm sóc người cao tuổi	03	02	01	
II.3	Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan		8			
14	TSCI04	Chuyên đề 1	03	5 giờ	25 giờ	
12	TSCI05	Chuyên đề 2	03	5 giờ	25 giờ	
14	TSCI07	Tiểu luận tổng quan	02	5 giờ	25 giờ	
II.4	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)		70			
25	TSCI08	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)	70	0	1.700	1.700

5.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ sẽ học kiến thức bổ sung song song với chương trình đào tạo tiến sĩ.

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Năm 1	Xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết	
	Tổng quan các công trình nghiên cứu (chuyên đề 1)	
	Học các học phần trong chương trình tiến sĩ	
	Bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết Luận án Tiến sĩ và Bảo vệ chuyên đề tổng quan nghiên cứu (chuyên đề 1)	

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
	Học các học phần bổ sung theo CTĐT ThS CTXH	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 2	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 2 (bao gồm cả khảo sát, thu thập thông tin)	
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 3 (bao gồm cả khảo sát, thu thập thông tin)	
	Thực hiện viết, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí, hội thảo có điểm đạt theo quy định	
	Bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ 2 và 3	
	Học các học phần bổ sung tiếp theo theo CTĐT ThS CTXH	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 3	Viết và hoàn thiện luận án tiến sĩ	
	Thực hiện viết, công bố bài báo khoa học trên các tạp chí, hội thảo có điểm đạt theo quy định	
	Bảo vệ luận án cấp cơ sở, gửi phản biện kín và Bảo vệ luận án cấp Trường (cuối năm thứ ba).	

5.4. Ma trận Chuẩn đầu ra học phần

TT	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1.	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội			3	3	3	2				2	
2.	Các lý thuyết trong Công tác xã hội		2									
3.	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội		3						2			
4.	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội	2										
5.	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng		3									
6.	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng		3		1						2	
7.	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong trường hợp khẩn cấp		3		1						2	
8.	Mô hình chăm sóc người cao tuổi		3		1						2	
9.	Chuyên đề 1	1		2	2	2					2	
10.	Chuyên đề 2	1		2	2	2					2	
11.	Chuyên đề tổng quan nghiên cứu	1		2	2	2					2	
12.	Luận án tiến sĩ	2		3	3	3				3	3	2

Ghi chú: 1 = Đóng góp mờ mức thấp (giới thiệu); 2 = Đóng góp ở mức trung bình (nâng cao); 3 = Đóng góp ở mức cao (trọng tâm)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT về “*Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*” ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội nếu có đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thành đầy đủ khối lượng và nội dung học tập của chương trình đào tạo;
- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước hội đồng chấm luận án và đạt yêu cầu thẩm định đối với các luận án thuộc diện thẩm định;
- Đã nộp bản luận án, tóm tắt luận án, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận án, tóm tắt luận án, giới thiệu luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các bài báo đã công bố kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Thư viện Quốc gia và Viện Công nghệ thông tin - Học viện Phụ nữ Việt Nam để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp chứng nhận điểm các học phần, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối kiến thức đã hoàn thành. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp chứng nhận điểm học phần, chuyên đề và các chứng chỉ khối kiến thức cho nghiên cứu sinh.

Học viện Phụ nữ Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện theo quy định trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án. Việc quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ được tiến hành sau 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị. Hồ sơ này phải được lưu trữ theo quy định.

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án trên cơ sở các hồ sơ chấm luận án (bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định).

Bằng tiến sĩ có chữ ký của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, được đóng dấu của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ tên chuyên ngành, tên học phần, số tín chỉ của học phần, điểm học phần, tổng số tín chỉ các học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận án, kết quả chấm luận án và tập thể cán bộ hướng dẫn.

Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

Nghiên cứu sinh tham gia các học phần lý thuyết theo chương trình đào tạo;

Nghiên cứu sinh tự nghiên cứu thông qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, giáo trình tài liệu tham khảo; tự giác trong việc tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia nghiên cứu theo nhóm; tích cực khai thác các tài nguyên trên internet và trong thư viện của Học viện Phụ nữ Việt Nam, Thư viện Quốc Gia, các thư viện của các Trường đại học khác trong và ngoài nước để phục vụ cho việc tự nghiên cứu và làm luận án tiến sĩ; thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

- Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên. Các phương pháp giảng dạy chính, cụ thể:

- Phương pháp thuyết trình truyền thống
- Phương pháp dạy học nhóm, thảo luận nhóm
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình
- Phương pháp thực hành xây dựng dự án
- Tự nghiên cứu...

- Rèn luyện cho học viên phương pháp tự học, kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng phản biện...

- Đối với luận án tiến sĩ: Phân công giáo viên hướng dẫn luận án tiến sĩ đối với những học viên đủ điều kiện làm luận án tiến sĩ. Hướng dẫn học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp vào thực hiện luận án tiến sĩ. Giảng viên giám sát, đôn đốc học viên để đảm bảo chất lượng luận án tiến sĩ và đảm bảo tiến độ tốt nghiệp.

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Các hình thức, phương pháp đánh giá quá trình, đánh giá cuối ở tất cả các học phần: bài tập, bài tự luận, bài thi viết, nghiên cứu trường hợp, báo cáo, vấn đáp, dự án, tiểu luận...

Thang điểm đánh giá chung; cơ cấu điểm thành phần, điểm cuối kỳ: Điểm thành phần và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Phòng Đào tạo có trách nhiệm quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ.

Cơ chế, hình thức công khai kết quả đến người học, tiếp nhận sự phản hồi ý kiến từ người học: Kết quả học tập được công khai trên hệ thống tài khoản điện tử của học viên, đảm bảo nhanh chóng và dễ dàng tra cứu.

Dự kiến rà soát, thay đổi phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo: Phương pháp đánh giá kết quả học tập được rà soát, thay đổi theo sự rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo (2 năm một lần).

8. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1.	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội (Designing and Conducting Social work Research)	Giới thiệu các kiến thức về nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu; cách thức triển khai một nghiên cứu như cách xây dựng chủ đề nghiên cứu; việc xây dựng và cách áp dụng lý thuyết cho công trình nghiên cứu. Sinh viên sẽ nắm được các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học và vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học.
2.	Các lý thuyết trong Công tác xã hội (Theories of social work)	Giới thiệu một số vấn đề lý luận về lý thuyết CTXH, đi sâu vào một số lý thuyết CTXH đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong CTXH hiện đại. Phân tích bản chất của lý thuyết, các dạng lý thuyết ứng dụng trong CTXH và cách thức ứng dụng lý thuyết trong thực hành. Tập trung phân tích một số lý thuyết có tính ứng dụng cao như Tâm động học, thuyết hệ thống và hệ thống sinh thái; thuyết nhận thức- hành vi; mô hình lấy nhiệm vụ làm trung tâm hay Mô hình can thiệp khủng hoảng...
3.	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội (Administration of Developing Organization for Providing)	Cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội, những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, truyền thông nội bộ và các vấn đề khác đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Nhấn mạnh tinh thần làm việc hợp tác, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.
4.	Lịch sử và lý thuyết Phúc lợi xã hội (Social welfare Theories and History)	Phân tích khái niệm phúc lợi xã hội và các thiết chế phúc lợi xã hội, phân tích phúc lợi xã hội trong mối quan hệ với tiến bộ xã hội, biến đổi xã hội, và toàn cầu hóa. Giới thiệu khái quát về phúc lợi xã hội ở một số nước trên thế giới. Khái quát về quá trình phát triển của phúc lợi nhà nước. Giới thiệu lịch sử phúc lợi xã hội ở một số nước tư bản chủ nghĩa, lịch sử phúc lợi xã hội ở một số nước xã hội chủ nghĩa. Phân tích các lý thuyết về phúc lợi xã hội mang tính đại diện, các lý thuyết về nguồn gốc và chức năng của phúc lợi nhà nước, các lý thuyết quy chuẩn về phúc lợi nhà nước.
5.	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng (Social Capital and Community Development)	Những vấn đề chung về vốn xã hội và cộng đồng; cộng đồng với việc tạo dựng và duy trì vốn xã hội, tập trung vào việc tạo dựng và duy trì vốn xã hội co cụm vào trong, vốn xã hội vươn ra bên ngoài và vốn xã hội kết nối của cộng đồng. Phân tích vai trò của vốn xã hội trong phát triển cộng đồng trên các bình diện khác nhau. Phân tích thực tiễn vốn xã hội trong phát triển cộng đồng

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		ở Việt Nam qua các khu vực khác nhau.
6.	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng (Social work in mental healthcare in community)	Giới thiệu kiến thức nâng cao về chăm sóc sức khỏe tâm thần như các vấn đề chung về sức khỏe tâm thần; quy định về luật pháp, chính sách và các mô hình, dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần; các hoạt động can thiệp của công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần và phương pháp thực hành chăm sóc sức khỏe tâm thần cho một số nhóm đối tượng đặc thù. Dựa trên kiến thức đã được trang bị, nghiên cứu sinh sẽ ứng dụng vào phân tích những trường hợp cụ thể dựa trên những đánh giá ban đầu, đưa ra được những đề xuất can thiệp, điều trị cho người có vấn đề sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.
7.	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong trường hợp khẩn cấp (Child protection and care in emergency situations)	Học phần giới thiệu cho người học các nghiên cứu chuyên sâu về bảo vệ và chăm sóc trẻ em trong trường hợp khẩn cấp trên thế giới và Việt Nam, giúp người học hiểu sâu hơn các vấn đề khẩn cấp đe dọa đến sự an toàn và phát triển của trẻ em như: lạm dụng; bóc lột; xao nhãng; lao động trong trường hợp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm... Từ đó, người học có thể áp dụng một cách thành thạo các kiến thức lý thuyết, kỹ năng trong Công tác xã hội để xác định vấn đề, quy trình can thiệp và các hoạt động hỗ trợ, phòng ngừa các tổn hại đối với trẻ em. Bên cạnh đó, người học có thể vận dụng các lý thuyết, kỹ năng để thiết kế các nghiên cứu liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong trường hợp khẩn cấp.
8.	Mô hình chăm sóc người cao tuổi (Model for Caring the Elderly)	Giới thiệu các mô hình Công tác xã hội với người cao tuổi tại nhà, tại cơ sở bảo trợ xã hội và tại bệnh viện. Trong mỗi mô hình sẽ giới thiệu về cách hỗ trợ tâm lý cho người cao tuổi, các hình thức chăm sóc, các hỗ trợ và kết nối, đặc biệt trợ giúp người cao tuổi phục hồi lại các hoạt động bình thường và tham vấn các thành viên trong gia đình hỗ trợ người cao tuổi.
9.	Chuyên đề 1 (Topic 1)	Quá trình thực hiện chuyên đề với những nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Học viên thực hiện chuyên đề cụ thể liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án tiến sĩ, hoàn thiện chuyên đề và đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm chuyên đề.
10.	Chuyên đề 2 (Topic 2)	Quá trình thực hiện chuyên đề với những nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Học viên thực hiện chuyên đề cụ thể liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án tiến sĩ, hoàn thiện chuyên đề và đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm chuyên đề.
11.	Chuyên đề tổng quan nghiên cứu (Research overview topic)	Quá trình thực hiện chuyên đề với những nhiệm vụ cụ thể mà học viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Học viên tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		nghiên cứu của luận án, hoàn thiện chuyên đề và đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm chuyên đề.
12.	Luận án tiến sĩ (Doctoral Dissertation)	Quá trình làm đề án tốt nghiệp được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà nghiên cứu sinh phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Phần đầu nghiên cứu sinh được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và công cụ phục vụ cho làm luận án tiến sĩ; phần thứ hai nghiên cứu sinh trực tiếp thực hiện luận án tiến sĩ; phần thứ ba nghiên cứu sinh phải hoàn thiện luận án tiến sĩ để đưa ra bảo vệ trước hội đồng chấm luận án tiến sĩ.


GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Quang Tiến